

Số: 106 /KTA - TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2024

V/v Giải trình Lợi nhuận sau thuế TNDN  
tại Báo cáo KQHĐKD năm 2023 đã được  
kiểm toán.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và tình hình thực tế của CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (mã chứng khoán: PGD).

PGD xin giải trình nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo KQHĐKD năm 2023 giảm 35,60% so với năm 2022, cụ thể như sau:

**1. Tổng hợp một số chỉ tiêu chính:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch	% tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7)=(6)/(4)
1	Sản lượng khí	MMBTU	40.349.724,54	37.123.158,70	(3.226.565,84)	-8,00%
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	11.274.428.298.139	9.890.691.872.367	(1.383.736.425.772)	-12,27%
3	Giá vốn hàng bán	Đồng	10.320.775.860.547	9.125.277.917.287	(1.195.497.943.260)	-11,58%
4	Lợi nhuận gộp	Đồng	953.652.437.592	765.413.955.080	(188.238.482.512)	-19,74%
5	Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu	%	8,46%	7,74%	-0,72%	-8,51%
6	Chi phí hoạt động và chi phí khác	Đồng	448.081.908.443	473.741.428.258	25.659.519.815	5,73%
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	519.665.687.169	335.406.772.948	(184.258.914.221)	-35,46%
8	Thuế TNDN	Đồng	106.952.777.881	69.618.886.681	(37.333.891.200)	-34,91%
9	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	412.712.909.288	265.787.886.267	(146.925.023.021)	-35,60%



## 2. Nguyên nhân:

Sản lượng khí (Chỉ tiêu 1) giảm 3.226.565,84 MMBTU (tương đương giảm 8,00%) do khách hàng gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm đầu ra, đặc biệt là nhóm khách hàng liên quan đến lĩnh vực bất động sản (gạch men, sắt thép, vật liệu xây dựng,...). Trong khi đó, bức tranh kinh tế toàn cầu chịu áp lực bởi lạm phát cao, xung đột giữa các nước ngày càng phức tạp làm cho tình hình thị trường nhiên liệu gặp nhiều khó khăn dẫn đến Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Chỉ tiêu 2) giảm 1.383.736.425.772 đồng (tương đương giảm 12,27%), Lợi nhuận gộp (Chỉ tiêu 4) giảm 188.238.482.512 đồng (tương đương giảm 19,74%) làm Lợi nhuận trước thuế (Chỉ tiêu 7) giảm 184.258.914.221 đồng (tương đương giảm 35,46%) so với năm 2022. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế (Chỉ tiêu 9) giảm 146.925.023.021 đồng (tương đương giảm 35,60%) so với năm 2022.

Trân trọng!

### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (đề b/c);
- Người CBTT (đề t/h);
- Lưu VT, P.TCKT. HMH(02).

GIÁM ĐỐC



**Trần Thanh Nam**